TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Bùi Thị Kim Loan
***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2021/ TLST – HNGĐ ngày 14/7/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 17/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Chu Văn S, Sinh năm: 1961; ĐKHKTT tại: Tổ 2, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị L, Sinh năm: 1977; ĐKHKTT tại: Tổ 2, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Chu Văn S đều trình bày: Ông và bà Hoàng Thị L kết hôn với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn ông bà không có thời gian tìm hiểu nhau mà qua mai mối giới thiệu thì thống nhất cùng nhau xây dựng gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng ông về sống tại tổ 2, khu 6B, phường C, thành phố C. Thời gian đầu ông bà chung sống với nhau bình thường đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trước khi về chung sống không có thời gian tìm hiểu nhau, vợ chồng tuổi tác chênh lệch nên không hòa hợp được về lối sống, tư duy cũng như suy nghĩ, ứng xử trong cuộc sống hàng ngày, nhất là thời gian ông công tác tại khu phố, phải thường xuyên tham gia vào hoạt động của địa phương thì bà L không đồng ý

và có những suy nghĩ không đúng về ông. Ông cũng đã giải thích nhiều lần nhưng bà L không tin tưởng từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau khiến không khí gia đình lúc nào cũng trong tình trạng mệt mỏi, căng thẳng, ảnh hưởng đến cuộc sống chung của các con. Hiện nay vợ chồng ông vẫn ở chung một nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa, mâu thuẫn cũng đã được đại diện khu phố và gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay ông xác định không còn tình cảm dành cho bà L nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Ông và bà Hoàng Thị L có 03 con chung là Chu Thị Thu H, sinh ngày xx/xx/xxxx; Chu Trung K, sinh ngày xx/xx/xxxx và Chu Trung L, sinh ngày xx/xx/xxxx. Khi ly hôn cả ba con chung đều có nguyện vọng ở cùng với ông, ông cũng không muốn các con phải xa nhau, bà L cũng không có việc làm ổn định, để đảm bảo sự phát triển của các con ông đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên. Được nuôi dưỡng các con chung ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con, hiện nay ông làm kinh doanh tự do, thu nhập bình quân 20 triệu đồng/tháng, nên đủ điều kiện nuôi dưỡng các con chung. Bà L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng ông bà tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ L giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – bà Hoàng Thị L nhiều lần nhưng bà L cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy được lời khai của bà L, bà L không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ L giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của ông Chu Văn S, ông S được ly hôn với bà L. Ông S được nuôi dưỡng các con chung, bà L không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Chu Văn S yêu cầu xin ly hôn với bà Hoàng Thị L hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – bà Hoàng Thị L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có L do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố C đã tống đạt hợp lệ cho bà L nhưng bà L cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa ông Chu Văn S và Hoàng Thị L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C vào năm 2006. Sau kết hôn ông bà về sống tại tổ 2, khu 6B, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của ông bà hạnh phúc đến tháng 6 năm 2015 thì phát S mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông S trình bày là do tuổi tác của hai ông bà chênh lệch nhau nên suy nghĩ, tư duy và lối sống không hòa hợp được. Mâu thuẫn căng thẳng hơn kể từ khi ông S tham gia công tác tại khu phố, phải thường xuyên tham gia vào hoạt động của địa phương thì bà L không đồng ý nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Hiện tại ông bà vẫn sống cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Bản thân bà L khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ bà L cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên ông S xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của ông S và bà L cũng phù hợp với lời khai của cả 03 con chung của ông bà và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của ông bà tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S đối với bà L.

* Về con chung: Ông S và bà L có 03 con chung là Chu Thị Thu H, sinh ngày xx/xx/xxxx; Chu Trung K, sinh ngày xx/xx/xxxx và Chu Trung L, sinh ngày xx/xx/xxxx, các con chung của ông bà cũng đều có nguyện vọng được ông S nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn, ông S cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho các con chung. Đại diện khu phố nơi ông bà cư trú cũng cho biết "đề nghị Tòa án tôn trọng nguyện vọng của các cháu, hiện tại ông S đang kinh doanh xưởng đá, thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi các con". Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng ly hôn, quan điểm của ông S cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung của ông bà. Xét thấy yêu cầu nuôi dưỡng con chung của ông S là chính đáng, ông S cũng có thu nhập đảm bảo được việc nuôi dưỡng các con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cả ba con chung cho ông S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp và cũng như đảm bảo được các điều kiện cho sự phát triển cho con chung của ông bà. Do ông S không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Ông Chu Văn S và bà Hoàng Thị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông Chu Văn S là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56**,** 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Chu Văn S và bà Hoàng Thị L.

2. Về con chung: Giao cả 03 con chung là Chu Thị Thu H, sinh ngày xx/xx/xxxx; Chu Trung K, sinh ngày xx/xx/xxxx và Chu Trung L, sinh ngày xx/xx/xxxx cho ông Chu Văn S có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Hoàng Thị L không phải cấp dưỡng cho các con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình cho ông Chu Văn S. Trả lại cho ông S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0005959 nộp ngày 14/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh